TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Hoàng

Bà Nguyễn Thị Kim Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp: *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Hạnh P**, sinh năm 1975; nơi cư trú: Khóm A, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Địa chỉ tạm trú: Đường L, phường A, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh **Điều Thanh L**, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khóm A, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Võ Thị Hạnh P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L được mai mối và cùng nhau tìm hiểu khoảng 02 tháng thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng

ký kết hôn vào ngày 25/8/2000 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 19 năm. Đến năm 2019, phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau; anh L không lo làm ăn, cờ bạc gây nợ bên ngoài là nợ của cá nhân anh L nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng chị không tổ chức hòa giải, cũng không báo với chính quyền địa phương để yêu cầu hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, chị đã nhiều lần khuyên anh L sửa đổi nhưng anh không thay đổi, nên chị và anh L đã sống ly thân từ ngày 07/10/2020 cho đến nay. Hiện chị đang sinh sống và làm thợ may tại đường L, phường A, quận B, TP. Hồ Chí Minh. Chị có báo cho anh L biết chị nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhưng anh L không có ý kiến gì. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L, cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Điều Trọng K, sinh ngày 02/7/2002. K chung sống với chị và đang học Đại học năm thứ 3 tại trường Đại học Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh. K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị P xác định trong thời kỳ hôn nhân chị và anh L không có nợ chung, cũng không có ai nợ vợ chồng chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị P cam kết xin ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ và cam kết trình bày đúng sự thật, tự chịu trách nhiệm về tất cả lời trình bày của mình.

Bị đơn Điều Thanh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không trình bày gì thêm. Chị cũng không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào; Bị đơn Điều Thanh L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Võ Thị Hạnh P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Điều Thanh L là được quyền khởi kiện. Anh L cư trú tại thành phố Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Cụ thể: Phiên tòa lần thứ nhất ngày 27/3/2023, phiên tòa lần thứ hai ngày 13/4/2023 nhưng đều vắng mặt, không lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị P và anh L tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2000 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Theo lời trình bày của chị P và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định từ năm 2019 cuộc sống vợ chồng của chị P và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, anh L không chí thú làm ăn, tham gia cờ bạc, không lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Mặc dù chị P đã nhiều lần khuyên anh L sửa đổi nhưng anh vẫn không thay đổi; chị và anh L đã sống ly thân từ ngày 07/10/2020 cho đến nay. Nay chị P xác định không còn tình cảm với anh L, giữ nguyên cầu được ly hôn với anh L.

Bản thân anh L trực tiếp ký tên và nhận các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ ba; ký tên nhận thủ tục xét xử đến lần thứ hai nhưng đều không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối các yêu cầu, tình tiết sự kiện theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, hiện nay chị P sinh sống và làm việc tại TP. Hồ Chí Minh, còn anh L sống tại Vĩnh Long, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; anh L biết chị P yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến đoàn tụ hay phản bác gì, nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P. Xử cho chị P và anh L ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung: Xét thấy, chị P và anh L có 01 con chung là Điều Trọng K, sinh ngày 02/7/2002, đã trưởng thành. Ngoài K thì chị P xác định chị và anh L không còn người con nào khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị P xác định: Chị và anh L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị P xác định trong thời kỳ hôn nhân chị và anh L không có nợ chung, cũng không có ai nợ vợ chồng chị, không yêu cầu Tòa án giải quyế, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Võ Thị Hạnh P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001724 ngày 07/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Hạnh P với anh Điều Thanh L.

2. Về nuôi con chung: Chị Võ Thị Hạnh P và anh Điều Thanh L có 01 con chung là Điều Trọng K, sinh ngày 02/7/2002, đã trưởng thành, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị P và anh L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị P xác định trong thời kỳ hôn nhân chị và anh L không có nợ chung, cũng không có ai nợ vợ chồng chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Hạnh P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp

theo biên lai thu số 0001724 ngày 07/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại P thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- UBND thị trấn C, CT, ĐTháp (GCNKH số 33, quyển 01, ngày 25/8/2000);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Mỹ Thuận